

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 486/2021/HS-PT
Ngày 10 tháng 12 năm 2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Thanh Dũng

Các Thẩm phán: Ông Dương Tuấn Vinh

Bà Trần Thị Thu Thủy

- Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Diệu Thúy – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Hậu - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 481/2021/TLPT-HS ngày 04 tháng 8 năm 2021 đối với bị cáo Lê Thị H; Do có kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng và kháng cáo của bị cáo Lê Thị H đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 23/2021/HSST ngày 23 tháng 6 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

- Bị cáo có kháng cáo và bị kháng nghị:

Lê Thị H, sinh năm 1992 tại tỉnh Bình Định; Thường trú: thôn H, xã C, huyện P, tỉnh Bình Định; Nơi cư trú: đường P1, Phường 22, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: Công nhân; Trình độ học vấn: 8/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê Văn Th (sinh năm 1968, nơi cư trú: N, thị xã A, tỉnh Bình Định) và bà Trần Thị L (sinh năm 1969, nơi cư trú: thôn H, xã C, huyện Phú Cát, tỉnh Bình Định); Có chồng là Nguyễn Phi Th (sinh năm 1985, đã ly hôn) và 01 con (sinh năm 2008, hiện cư trú tại thôn H, xã C, huyện P, tỉnh Bình Định); Tiền án, tiền sự: Không; Bị bắt tạm giam từ ngày 19/9/2019. (có mặt)

(Trong vụ án còn có bị cáo E, M đã rút kháng cáo; bị cáo Hoàng Lan H1 và 06 người bị hại không kháng cáo, không liên quan đến kháng cáo, kháng nghị nên Tòa án không triệu tập đến phiên tòa phúc thẩm)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Các bị cáo E, bị cáo M đều có Quốc tịch Nigeria; nhập cảnh và sinh sống tại Việt Nam.

Trong thời gian sinh sống tại Việt Nam, các bị cáo E, bị cáo M đã cùng với một số người Châu Phi khác thực hiện việc lừa đảo chiếm đoạt tài sản của người khác thông qua mạng xã hội Facebook, Zalo, kết bạn với những người Việt Nam, nhắn tin, làm quen tạo tình cảm, lấy lý do đang sinh sống tại các Quốc gia như Afghanistan, Syria (*khu vực đang có chiến sự*) đang giữ một khoản tiền lớn muốn gửi về Việt Nam, hoặc sẽ về Việt Nam kết hôn với người Việt Nam nên muốn chuyển tiền về Việt Nam thông qua việc gửi quà.

Các bị cáo đóng giả là nhân viên hải quan, nhân viên bưu điện quốc tế, nhân viên xuất nhập cảnh gọi điện cho bị hại, yêu cầu đóng các khoản tiền để nhận được hàng hoặc bảo lãnh và tạo nhiều lý do khác nhau để bị hại chuyển tiền phí, tiền phạt vào tài khoản nhằm chiếm đoạt.

Để có các tài khoản tại Ngân hàng, bị cáo E đã cùng với bị cáo Hoàng Lan H1, bị cáo M và bị cáo Lê Thị H mở nhiều tài khoản Ngân hàng, thực hiện việc rút tiền chiếm đoạt của các bị hại. Hành vi được thực hiện cụ thể:

1. Hành vi của bị cáo E và bị cáo H1: Bị cáo E quen biết bị cáo H1 từ năm 2014, đến khoảng tháng 10/2018 bị cáo E và bị cáo H1 đã thỏa thuận về việc bị cáo H1 sẽ mở các tài khoản Ngân hàng giao lại cho bị cáo E. Bị cáo H1 lên mạng xã hội tìm kiếm và liên hệ làm giả chứng minh nhân dân (*sau đây viết tắt là CMND*) với giá 1.200.000đ/CMND.

Từ tháng 12/2018 đến tháng 01/2019, bị cáo H1 đã làm giả 03 CMND gồm 01 CMND mang tên Trang Thị Bích Th, 01 CMND mang tên Nguyễn Thị Thùy L, 01 CMND mang tên Lê Đăng Anh Th1. Sau khi có các CMND giả, bị cáo H1 đưa 01 CMND giả mang tên Lê Đăng Anh Th1 cho đối tượng tên Nguyễn Thị Hiếu Th2 (*sinh 1985, trú tại chung cư H; ấp 3 xã A, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh*), đối tượng Th2 dùng CMND giả này mở các tài khoản Ngân hàng khác và giao lại cho bị cáo E. Đối với 02 CMND giả còn lại, bị cáo H1 đã mở nhiều tài khoản ATM, khi đăng ký tài khoản, bị cáo H1 dùng sim điện thoại để đăng ký dịch vụ internet banking cho bị cáo E; toàn bộ các thẻ ATM sau khi nhận từ Ngân hàng, bị cáo H1 chuyển đổi mật khẩu “8080” giao cho bị cáo E cụ thể:

- Với CMND giả mang tên Trang Thị Bích Th từ tháng 12/2018 đến tháng tháng 5/2019, bị cáo H1 đã mở 11 tài khoản Ngân hàng gồm:

+ Tài khoản số 116000148110780 Ngân hàng S, Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh;

+ Tài khoản số 1060107364001 Ngân hàng M, Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh;

+ Tài khoản số 4133010001072 Ngân hàng C, Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh;

Minh;

+ Tài khoản số 108000524887 Ngân hàng P, Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh;

+ Tài khoản số 13615920001 Ngân hàng S1, Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh;

+ Tài khoản số 10009100045700031920272 Ngân hàng O, Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh;

+ Tài khoản số 0747.0407.000.5353 Ngân hàng H, Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh;

+ Tài khoản số 170770726328600012 Ngân hàng O1, Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh;

+ Tài khoản số 3124000010919000 Ngân hàng V, Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh;

+ Tài khoản số 11060107448008 Ngân hàng M, chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh;

+ Tài khoản số 04201017925223 Ngân hàng M1, chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh.

- Với CMND giả mang tên Nguyễn Thị Thùy L, từ tháng 01/2019 đến tháng 6/2019, bị cáo H1 đến khu vực thành phố V, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu và Thành phố Hồ Chí Minh mở 10 tài khoản Ngân hàng gồm:

+ Tài khoản số 13706340001 Ngân hàng S1, chi nhánh thành phố V;

+ Tài khoản số 76010000931304 Ngân hàng B, Chi nhánh thành phố V;

+ Tài khoản số 6090205806070 Ngân hàng A, Chi nhánh thành phố V;

+ Tài khoản số 100869506722 Ngân hàng V1, Chi nhánh thành phố V;

+ Tài khoản số 050099723537 Ngân hàng S, Chi nhánh thành phố V;

+ Tài khoản số 3855837 Ngân hàng A1, Chi nhánh thành phố V;

+ Tài khoản số 9704310011326868 Ngân hàng E, Chi nhánh thành phố V;

+ Tài khoản số 9704390000816598 Ngân hàng P1, Chi nhánh thành phố V;

+ Tài khoản số 19034308245015 Ngân hàng T, Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh;

+ Tài khoản số 02868846301 Ngân hàng T1, Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh.

- Với CMND giả mang tên Lê Đặng Anh Th1, được mở 05 tài khoản gồm:

+ Tài khoản số 3786377 tại Ngân hàng A1, Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh;

+ Tài khoản số 060203752248 tại Ngân hàng S, Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh;

- + Tài khoản số 109869491295 Ngân hàng V1, Chi nhánh Bắc Sài Gòn;
- + Tài khoản số 0501000207535 Ngân hàng V2 chi nhánh Bắc Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh;
- + Tài khoản số 08910000181405 Ngân hàng B, Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh.

Toàn bộ các tài khoản ATM nêu trên đều được giao lại cho bị cáo E quản lý, được chuyển đổi mật khẩu thẻ ATM và mật khẩu đăng nhập Internetbanking. Đối với thông tin tài khoản (*gồm tên tài khoản, số tài khoản, ngân hàng mở tài khoản*), bị cáo E chuyển cho các đối tượng người Châu Phi khác có nhu cầu cần tài khoản để phục vụ cho việc lừa đảo chiếm đoạt tiền của bị hại; trong đó, qua giới thiệu của người tên U, bị cáo E đã chuyển thông tin tài khoản Ngân hàng (*gồm số tài khoản, tên tài khoản, tên ngân hàng*) cho người tên B (*sống tại Campuchia*), khi thông tin tài khoản báo có người chuyển tiền vào tài khoản, đối tượng tên B điện thoại cho bị cáo E biết, bị cáo E nói với bị cáo H1 đến tại quầy giao dịch để thực hiện việc rút tiền mặt đối với các khoản tiền lớn, riêng các khoản tiền nhỏ bị cáo E trực tiếp đến tại cây ATM để thực hiện việc rút tiền, số tiền rút được bị cáo H1 giao lại cho bị cáo E, sau đó bị cáo E cho lại bị cáo H1 tùy thuộc vào số tiền rút được.

Đối với số tiền rút, bị cáo E được chia 10%/trên số tiền rút, số tiền còn lại theo yêu cầu của người tên U, bị cáo M đến gặp bị cáo E để nhận tiền và chuyển lại cho đối tượng tên U thông qua một người nước ngoài sinh sống tại Thành phố Hồ Chí Minh, khi đó bị cáo M được đối tượng U cho tiền khi sinh sống tại Thành phố Hồ Chí Minh.

2. *Hành vi của bị cáo M và bị cáo H:* Bị cáo M và bị cáo H quen biết và sống chung với nhau như vợ chồng từ tháng 5/2019. Trong thời gian quen biết và sống chung, bị cáo M đã nhờ bị cáo H dịch 01 đoạn ghi âm của bạn bị cáo M về cuộc nói chuyện của 02 người phụ nữ Việt Nam về các thủ đoạn nhằm chiếm đoạt tiền của người khác.

Trong tháng 5/2019 bị cáo M đã nhờ bị cáo H đi rút số tiền 116.000.000đ từ tài khoản tên Lý Xuân D, sau khi rút tiền, bị cáo H giao toàn bộ số tiền này cho bị cáo M; bị cáo H biết số tiền này do bị cáo M lừa chiếm đoạt của phụ nữ Việt Nam mà có, tuy nhiên bị cáo H không tố giác mà còn trực tiếp cùng với bị cáo M thực hiện hành vi chiếm đoạt tiền của các bị hại khác cụ thể:

Trong khoảng thời gian từ tháng 5/2019, bị cáo M và một người nước ngoài tên Ch trao đổi với nhau bị cáo M sẽ mở các tài khoản Ngân hàng và giao lại cho người tên Ch và Ch trả tiền cho M, đồng thời nói M sử dụng các CMND giả để mở tài khoản ngân hàng. Bị cáo M nói và bị cáo H đồng ý đi mở các tài khoản ngân hàng về giao lại cho M. Bị cáo M nói bị cáo H đưa ảnh của bị cáo H cho bị cáo M để làm CMND giả cho bị cáo H để Hiền mở tài khoản. Sau khi đưa ảnh và bị cáo M sửa chữa và đưa lại cho bị cáo H 01 CMND mang tên Lý Xuân D nhưng ảnh trên CMND là bị cáo H, sau đó Hiền dùng CMND có tên Lý Xuân D mở 02 tài khoản gồm:

- + Tài khoản số 02768302501, Ngân hàng T1, chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh;

+ Tài khoản 101000553636 Ngân hàng P chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh;.

Sau khi có thẻ ATM, bị cáo H giao lại cho bị cáo M quản lý sử dụng, khi có tiền chuyển vào tài khoản thì đối tượng Ch nói bị cáo M thực hiện việc rút tiền và chia lại cho bị cáo M 10% số tiền rút. Bị cáo M tiếp tục cần các tài khoản nên tiếp tục nói và bị cáo H đồng ý mở các tài khoản. Bị cáo H lên mạng xã hội tìm mua 02 CMND thật mang tên Đoàn Thị Phương L và CMND mang tên Nguyễn Thị Thùy Tr với giá 400.000đ/CMND, bị cáo H bóc tách ảnh của 02 CMND trên và lấy ảnh của bị cáo dán vào vị trí ảnh CMND, sau đó sử dụng mở tài khoản ATM cụ thể:

- CMND mang tên Đoàn Thị Phương L, ảnh là bị cáo H mở 02 tài khoản gồm:

+ Tài khoản số 0381000601029 ngân hàng V2 chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh;

+ Tài khoản số 103870418559 ngân hàng V1 chi nhánh Thành phố HỒ Chí Minh;

- CMND mang tên Nguyễn Thị Thùy Tr, ảnh là bị cáo H là của Hiền mở 02 tài khoản gồm:

+ Tài khoản số 104870550200 Ngân hàng V1 chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh; 01 tài khoản ngân hàng B.

Đối với các tài khoản ATM với tên Đoàn Thị Phương L, Nguyễn Thị Thùy Tr, bị cáo H giao lại cho bị cáo M và sau đó bị cáo M chuyển thông tin tài khoản cho đối tượng tên Emmy Ch, khi có tiền được chuyển vào tài khoản, đối tượng Ch điện cho bị cáo M thực hiện việc rút tiền; bị cáo M tiếp tục yêu cầu bị cáo H thực hiện rút tiền, số tiền rút về bị cáo H giao lại cho bị cáo M, bị cáo M lấy 5% số tiền rút được, còn lại giao cho đối tượng tên Ch thông qua một người khác và chia lại cho lại cho Hiền một phần số tiền tùy vào khoản tiền rút được nhiều hay ít.

Trong ngày 14/9/2019, đối tượng tên Ch gửi cho bị cáo M 03 thẻ ATM mang tên Nguyễn H để bị cáo M thực hiện việc rút tiền khi có tiền chuyển vào tài khoản, bị cáo M yêu cầu bị cáo H cầm thẻ ATM đến trụ ATM để rút tiền về giao lại cho bị cáo M, số tiền rút M được hưởng lợi 5%.

Với thủ đoạn và phân công vai trò nêu trên, trong thời gian từ tháng 4/2019 đến tháng 9/2019, các bị cáo M, bị cáo H1, bị cáo E, bị cáo H đã thực hiện mở nhiều tài khoản để các bị hại chuyển vào, nhằm chiếm đoạt tài sản, trong đó xác định có 03 bị hại ở Lâm Đồng và 02 bị hại ở các tỉnh khác, cụ thể:

1/. Bị hại bà Trần Thị Kim Tr1, nơi cư trú số 213 Thôn Thanh Bình, xã B, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng:

Bị hại Trâm sử dụng mạng xã hội Facebook với nick “Trần Tr1”. Vào tháng 5/2019 có nick facebook “MD” với hình đại diện là công dân Mỹ, kết bạn làm quen với bị hại bà Tr1, giới thiệu là công dân Mỹ đang làm ở Syria. Sau khi nhắn tin làm quen một thời gian, nickfacebook “MD” nói với bà Tr1 có số tiền lớn là 20 tỷ đồng, do đang ở khu vực chiến tranh nên gửi số tiền này về cho bà Tr1 giữ và quản lý. Bà Tr1 tưởng thật nên cho họ tên, tuổi, địa chỉ, số điện thoại, nên vào ngày

14/6/2019 có người đóng giả là nhân viên ngân hàng quốc tế gọi điện thoại cho bà Tr1 đóng thuế số tiền 39.000.000đ để nhận số tiền mà nick Facebook “MD” gửi về cho bà Tr1, đồng thời cho bà Tr1 số tài khoản 04201017925223 Ngân hàng M mang tên Trang Thị Bích Th. Do tưởng thật nên ngày 14/6/2019, bà Tr1 đã chuyển khoản số tiền 39.000.000đ vào tài khoản này.

Cũng trong ngày 14/6/2019, có người đóng giả nhân viên ngân hàng tiếp tục gọi điện thoại cho bà Tr1 và yêu cầu đóng thêm 117.000.000đ để nhận hàng gửi về, tin là thật bà Tr1 chuyển 117.000.000đ vào tài khoản tên Trang Thị Bích Th nêu trên.

Những ngày tiếp theo, người đóng giả nhân viên ngân hàng tiếp tục điện cho bà Tr1 nêu lý do số tiền gửi về lớn không khai báo, bị niêm phong xử phạt, yêu cầu bà Tr1 đóng số tiền phạt là 700.000.000đ thì mới nhận được tiền. Tin là thật, bà Tr1 tiếp tục chuyển số tiền 700.000.000đ vào số tài khoản nêu trên. Như vậy, bà Tr1 bị chiếm đoạt số tiền 856.000.000đ.

Sau khi chiếm đoạt số tiền của bà Tr1 do bị cáo E quản lý, sử dụng. Bị cáo E sử dụng internet banking chuyển đến tài khoản để rút và nói bị cáo H1 rút tiền, số tiền rút cụ thể như sau:

- Số tiền 39.000.000đ được chuyển đến tài khoản T tên Nguyễn Thị Thùy L, số tài khoản 193430824015. Ngày 14/6/2019 bị cáo E đến trụ ATM thực hiện 04 lần rút được số tiền 39.000.000đ.

- Số tiền 117.000.000đ được chuyển đến 02 tài khoản khác mang tên Lê Đặng Anh Th1 và Nguyễn Thị Thùy L, bị cáo E rút hết tại trụ ATM vào ngày 17/6/2019.

- Số tiền 700.000.000đ được chuyển đến 03 tài khoản mang tên Nguyễn Thị Thùy L, Lê Đặng Anh Th1. Ngày 18/6/2019 bị cáo E rút 70.000.000đ tại trụ ATM; ngày 19/6/2019 rút tiếp 30.000.000đ. Ngày 18/6/2019 bị cáo H1 rút 600.000.000đ tại quầy giao dịch Ngân hàng và giao lại cho bị cáo E.

Số tiền trên rút về, bị cáo E giữ lại 85.000.000đ (tương ứng 10%) số tiền còn lại chuyển cho bị cáo M và theo bị cáo M khai chuyển tiếp cho đối tượng tên U.

2/. Bị hại ông Trần Văn Th, trú tại Thôn Th, xã N, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng:

Ông Th sử dụng mạng xã hội Facebook với nick “Trần Th”, vào khoảng tháng 5/2019 có tài khoản Facebook với nick nữ “DP” kết bạn nói chuyện với ông Th, sau một thời gian nói chuyện, làm quen tạo tình cảm, nick nữ “DP” giới thiệu với ông Th có cha làm tướng Mỹ, đang làm việc tại Irắc có số tiền lớn tại Irắc hơn 750.000USD và hiện cha đã chết, số tiền này không mang về Mỹ nên nhờ ông Th nhận giúp số tiền và chia cho ông Th 40%. Ông Th tin và đồng ý nên đã cho thông tin tên tuổi, địa chỉ, số điện thoại theo yêu cầu.

Khoảng 03 ngày sau, người đóng giả nhân viên giao nhận hàng từ nước ngoài gọi cho ông Th lấy lý do gói hàng từ Irắc gửi về có chứa số tiền lớn, yêu cầu ông Th đóng thuế 24.000.000đ và cho số tài khoản 100869506722 mang tên Nguyễn Thị Thùy L để chuyển vào. Tin là thật nên ngày 05/6/2019 ông Th đã chuyển vào số tài khoản trên 24.000.000đ, tiếp sau đó ông Th liên tục nhận được

được điện thoại gọi với lý do gói hàng có số tiền lớn yêu cầu đóng phí vận chuyển với số tiền là 80.000.000đ. Do nghi ngờ bị lừa nên ông Th đã không tiếp tục chuyển tiền. Tổng số tiền ông Th bị chiếm đoạt là 24.000.000đ.

Số tiền trên được chuyển tiếp đến tài khoản mang tên Lê Đăng Anh Th1 và cùng ngày 05/6/2019 bị cáo E rút tại trụ ATM.

3/. Bị hại Nguyễn Thị N, nơi cư trú tổ 4, thôn N1, xã L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng:

Bà N sử dụng mạng xã hội facebook với nick “PD Diệu H”, đến tháng 5-2019 có nick Facebook “DK” hình ảnh lính Mỹ kết bạn, nói chuyện với bà N. Quá trình nói chuyện trên Messenger, nick “DK” giới thiệu là Quân đội Mỹ đang chiến đấu tại Paskistan, có chức vụ cao là tướng chỉ huy còn 02 năm nữa nghỉ hưu, hiện đang có khối tài sản lớn muốn chuyển về Việt Nam để làm ăn và muốn bà N nhận số tài sản này cho “DK”, đồng thời chụp ảnh cho bà N biết.

Tin là thật nên bà N đồng ý nhận và cho thông tin tên tuổi, địa chỉ, số điện thoại. Một ngày sau, có người đóng giả nhân viên sân bay T gọi điện yêu cầu bà N đóng số tiền 600USD thuê để nhận được thùng hàng từ nước ngoài chuyển về, đồng thời cho bà N số tài khoản ngân hàng, bà N chuyển số tiền 13.000.000đ vào tài khoản.

Tiếp mấy ngày sau đó, bà N tiếp tục nhận được điện thoại yêu cầu đóng số tiền 16.000.000đ vào tài khoản Bùi Văn Q để đóng phí sân bay. Bà N tiếp tục chuyển khoản số tiền 16.000.000đ. Sau đó nick “DK” tiếp tục yêu cầu chuyển thêm số tiền 30.000.000đ nữa thì thùng hàng mới chuyển về tận nhà, đồng thời yêu cầu chuyển tiền vào tài khoản số tài khoản 0747040700053543 tại Ngân hàng H tên Trang Thị Bích Th. Tiếp tục tin là thật nên ngày 20/6/2019, bà N tiếp tục chuyển khoản thêm 30.000.000đ. Tổng cộng bà N bị chiếm đoạt số tiền là 59.000.000đ.

Đối với các khoản tiền 13.000.000đ và số tiền 16.000.000đ, bà N không xác định được tài khoản đã chuyển, nên không xác định được bị cáo E và bị cáo H1 đã thực hiện chiếm đoạt số tiền này.

Đối với số tiền 30.000.000đ được chuyển vào tài khoản H mang tên Trang Thị Bích Th, sau đó được chuyển tiếp đến tài khoản mang tên Lê Đăng Anh Th1 thì bị cáo E rút tại trụ ATM và trích lại 3.000.000đ (10%), số còn lại bị cáo E giao lại cho bị cáo M để chuyển cho đối tượng tên U.

4/. Bị hại Đào Thị Việt Tr2; nơi cư trú đường L, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang:

Bà Tr2 có sử dụng mạng xã hội Viber và có kết bạn nói chuyện với người có tên nick “Huỳnh T” sinh sống tại Mỹ. Vào thời gian tháng 9/2019, nick “Huỳnh T” trao đổi với bà Tr2 để nhận một kiện hàng từ Afganistan gửi về Việt Nam. Do tin tưởng nên bà Tr2 đồng ý và cung cấp địa chỉ, tên tuổi cho nick “Huỳnh T” để nhận hàng, đồng thời nick “Huỳnh T” giới thiệu cho bà Tr2 một người bạn nước ngoài nói chuyện, sau đó người này trao đổi để bà Tr2 nhận gói hàng và hỗ trợ chi phí. Do tin tưởng nên bà Tr2 đồng ý.

Ngày 10/9/2019, người đóng vai nhân viên kiểm hàng chuyển phát nhanh

của Công ty S, Hà Nội gọi điện thoại cho bà Tr2 yêu cầu đóng phí thuế với số tiền 35.000.000đ để nhận gói hàng và yêu cầu chuyển tiền vào tài khoản số tài khoản 103870418559 V1 tên Đoàn Thị Phương L. Tin là thật nên trong ngày 10/9/2019, bà Tr2 đã chuyển 35.000.000đ vào tài khoản nêu trên. Sau khi chuyển, có người nhận là nhân viên kiểm hàng chuyển phát nhanh của Công ty S tiếp tục gọi điện, lấy lý do trong gói hàng chứa nhiều tiền đang bị cơ quan hải quan tạm giữ, yêu cầu bà Tr2 đóng thêm số tiền 10.000USD để lo chi phí hải quan, nên tiếp tục tin là thật, bà Tr2 chuyển ngay số tiền 230.000.000đ vào tài khoản nêu trên vào ngày 10/9/2019.

Sáng ngày 11/9/2019, người đóng vai nhân viên kiểm hàng tiếp tục gọi điện cho bà Tr2 lấy lý do chuyển thêm tiền để lo hết tất cả các chi phí cho việc nhận gói hàng, yêu cầu chuyển thêm số tiền 20.000USD, thì bà Tr2 không đồng ý, đã liên lạc nick “Huỳnh T” thì biết đã bị lừa. Tổng số tiền bà Tr2 bị chiếm đoạt là 265.000.000đ.

Đối với số tiền 265.000.000đ, bị cáo H đã rút toàn bộ và giao lại cho bị cáo M, sau đó bị cáo M trích lại 13.250.000đ (tương ứng 5%), số tiền còn lại bị cáo M khai đã giao cho đối tượng tên Ch.

5/. Bị hại Lê Thị H3, nơi cư trú Thôn P, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình:

Chị H3 sử dụng mạng xã hội Zalo, nên vào khoảng đầu tháng 4/2019 có nick “OM” kết bạn nói chuyện với chị H3 và tự giới thiệu là bác sỹ làm việc trong Liên hợp quốc tại nước có chiến tranh.

Quá trình làm quen nói chuyện, nick “OM” nói cho chị H3 biết đang giữ rất nhiều tiền và nhờ chị H3 viết đơn nhận làm vợ để bảo lãnh ra khỏi nước có chiến tranh. Chị H3 đồng ý viết đơn và gửi email đến địa chỉ “unitionvacationboard@gmail.com” do nick “OM” cung cấp để bảo lãnh người có tên “OM”.

Sau khi gửi đơn chị H3 nhận được mail yêu cầu đóng số tiền phí hồ sơ giấy phép xuất trại, đồng thời “OM” trao đổi yêu cầu chị H3 chuyển tiền thì mới ra trại được và hứa sẽ trả số tiền chi phí lớn. Do tin là thật, nên ngày 15/9/2019, chị H3 nhờ chị gái mình tên Lê Thị H4 chuyển số tiền 41.000.000đ vào tài khoản số 14510000075182 (tên Võ Thị Ph được gửi Mail đến), sau đó, chị H3 tiếp tục nhận được Mail từ địa chỉ “unitionvacation board@gmail.com” yêu cầu chuyển tiếp số tiền 2.625USD để mua vé máy bay xuất trại cho người có tên “OM”, đồng thời người có tên nick “OM” tiếp tục nói chị H3 chuyển tiền thì mới ra khỏi khu vực chiến tranh và sẽ trả chi phí số tiền lớn cho chị H3. Tiếp tục tin là thật, chị H3 đồng ý và nhận được số tài khoản 106870508480 V1 tên Nguyễn H, gửi cho chị H3 qua mail. Ngày 18/9/2019 chị H3 đã chuyển số tiền 61.000.000đ vào tài khoản này.

Sau đó, chị H3 tiếp tục nhận được mail yêu cầu chuyển tiếp số tiền 10.000USD để đảm bảo sức khỏe cho ông “OM” ra khỏi vùng chiến tranh, thì chị H3 mới biết đã bị lừa nên không tiếp tục chuyển tiền vào nữa. Tổng số tiền chị H3 bị chiếm đoạt là 102.000.000đ.

Đối với số tiền 41.000.000đ chị H3 chuyển vào tài khoản tên Võ Thị Ph, Cơ quan Điều tra xác minh tại Ngân hàng đã xác định bị rút toàn bộ nhưng không thu

giữ được thẻ, chưa có cơ sở xác định bị cáo H và bị cáo M thực hiện hành vi rút chiếm đoạt số tiền này.

Đối với số tiền 61.000.000đ chuyển vào tài khoản V1 tên Nguyễn H, bị cáo M giao thẻ cho bị cáo H và sau đó bị cáo H rút số tiền này tại trụ ATM 07 lần cùng ngày 18/9/2019, giao số tiền này cho bị cáo M và bị cáo M trích lại 5%, được cho thêm 2.000.000đ, số tiền còn lại bị cáo M khai đã giao cho đối tượng tên Chino thông qua một người khác.

6/. Bị hại Phương Thị Xuân H5, nơi cư trú ấp S, xã Th, huyện M, tỉnh Sóc Trăng:

Bị hại Xuân H5 là người quen biết và cùng làm ở Công ty với bà Hàng Thị Thu H6; nên bà Thu H6 đã nhờ chị Xuân H5 đi gửi tiền 07 lần giúp Thu H6 (*chị Xuân H5 không nhớ thời gian cụ thể*) trong đó có 02 lần chuyển với số tiền 462.642.000đ vào tài khoản 060203752248 tại ngân hàng S mang tên Lê Đăng Anh Th1 (*tài khoản bị cáo H1 mở và giao lại cho bị cáo E quản lý*). Ngay sau khi có số tiền 462.642.000đ trong tài khoản, bị cáo E sử dụng internetbanking chuyển tiếp toàn bộ số tiền đó vào tài khoản số 19034308245015 tại ngân hàng T (tài khoản mang tên Nguyễn Thị Thùy L), số tiền này được rút 50 triệu tại trụ ATM, số tiền còn lại 412.000.000đ được chuyển tiếp đến tài khoản 210610301000364 của ngân hàng E mang tên Nguyễn Thị Thùy L.

Ngày 17/9/2019, bị cáo E nói bị cáo H1 đến ngân hàng rút số tiền 300.000.000đ, lúc này bị cáo H1 có ý định rút số tiền này rồi giữ luôn không giao lại cho bị cáo E, nên bị cáo H1 nói với bị cáo E tài khoản ngân hàng bị khóa, bị cáo H1 trao đổi và nhờ anh H chở bị cáo H1 đi rút tiền. Sáng 18/9/2021, anh H chở bị cáo H1 đến ngân hàng E rút số tiền 300 triệu đồng, bị cáo H1 lấy 5 triệu sử dụng cá nhân còn lại đưa Hiệp giữ dùm 295 triệu thì bị Cơ quan CSĐT Công an bắt giữ và thu giữ số tiền.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 23/2021/HS-ST ngày 23 tháng 6 năm 2021, Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng đã quyết định:

Tuyên bố các bị cáo E, bị cáo M và bị cáo Lê Thị H phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”; tuyên bố các bị cáo M, bị cáo Lê Thị H phạm tội “*Sửa chữa và sử dụng các tài liệu của cơ quan, tổ chức*”.

Bị cáo Lê Thị H không phạm tội “*Không tố giác tội phạm*”.

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; khoản 2 Điều 340; điểm s khoản 1 Điều 51 (*cho cả hai tội*); điểm g khoản 1 Điều 52 (*cho tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”*), các Điều 17, 58 của BLHS năm 2015 đối với bị cáo M;

Xử phạt bị cáo M 12 năm tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”; 02 năm tù về tội “*Sửa chữa và sử dụng các tài liệu của cơ quan, tổ chức*”. Căn cứ Điều 55 của BLHS năm 2015, buộc bị cáo phải chấp hành chung cho hai tội 14 năm tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 19/9/2020.

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; các Điều 17, 58 của BLHS năm 2015 đối với bị cáo E;

Xử phạt bị cáo E 12 năm tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày

18/9/2020.

Áp dụng khoản 3 Điều 174 của BLHS năm 2015; khoản 2 Điều 340; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 (*cho tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”*); khoản 2 Điều 54, các Điều 17, 58 của BLHS năm 2015 đối với bị cáo H;

Xử phạt bị cáo H 06 năm tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”; 02 năm tù về tội “*Sửa chữa và sử dụng các tài liệu của cơ quan tổ chức*”. Căn cứ Điều 55 của BLHS năm 2015, buộc bị cáo phải chấp hành chung cho hai tội 08 năm tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 19/9/2020.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về tội danh, hình phạt đối với bị cáo Hoàng Lan H1; về trách nhiệm dân sự, án phí và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 02/7/2021, bị cáo E có đơn kháng cáo kêu oan. Ngày 06/7/2021, bị cáo M có đơn kháng cáo kêu oan. Đến ngày 18/8/2021, bị cáo E và bị cáo M có đơn xin rút lại toàn bộ yêu cầu kháng cáo. Ngày 03/11/2021, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đã ban hành Quyết định số 42/2021/HSPT-QĐ đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bị cáo E và bị cáo M.

Ngày 07/7/2021, bị cáo Lê Thị H có đơn kháng cáo cho rằng mức án đã xử phạt bị cáo là quá cao và không đồng ý về phần trách nhiệm dân sự.

Ngày 05/7/2021, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng ban hành Quyết định số 03/VKS-P2, kháng nghị yêu cầu sửa án sơ thẩm theo hướng tuyên bố bị cáo Lê Thị H phạm tội “Không tố giác tội phạm” và áp dụng hình phạt đối với bị cáo H. Ngày 07/7/2021, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng ban hành Quyết định số 225/VKS-P2 thay đổi, bổ sung Quyết định số 03/VKS-P2; đề nghị hủy một phần bản án sơ thẩm, giao hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm xét xử lại theo hướng tuyên bị cáo Lê Thị H phạm tội “Không tố giác tội phạm” và áp dụng hình phạt đối với bị cáo H.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh vẫn giữ nguyên kháng nghị và phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án như sau: Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ có đủ cơ sở xác định bị cáo Lê Thị H đã biết việc M lừa đảo chiếm đoạt tiền của những người phụ nữ Việt Nam; bị cáo H rút số tiền 166 triệu đồng đưa lại cho bị cáo M và không tố giác hành vi phạm tội của bị cáo M. Tòa án cấp sơ thẩm tuyên bố bị cáo không phạm tội “Không tố giác tội phạm” là không đúng quy định pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử hủy một phần bản án sơ thẩm, giao hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm xét xử lại theo hướng tuyên bị cáo Lê Thị H phạm tội “Không tố giác tội phạm” và áp dụng hình phạt đối với bị cáo H. Đối với kháng cáo của bị cáo H đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận.

Bị cáo Lê Thị H tự bào chữa như sau: Bị cáo là đồng phạm với bị cáo M về hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản thì không thể tố giác hành vi phạm tội của bị cáo M được vì đó cũng là hành vi phạm tội của bị cáo. Ngoài ra, cáo trạng của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng cũng không truy tố bị cáo M về hành vi lừa đảo chiếm đoạt 116 triệu đồng. Bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và xin không buộc bị cáo liên đới bồi thường cho bị

hại vì bị cáo sống chung với bị cáo M nên được cho tiền ăn chứ bị cáo không được hưởng lợi trong vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Kháng cáo của bị cáo Lê Thị H và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng làm trong thời hạn luật định, hợp lệ nên được Hội đồng xét xử xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Đối với bị cáo E và bị cáo M do đã rút kháng cáo trước khi Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh quyết định đưa vụ án ra xét xử nên Hội đồng xét xử không xem xét. Phần quyết định của bản án sơ thẩm đối với bị cáo E và bị cáo M đã có hiệu lực thi hành.

[2] Về nội dung:

[2.1] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Lê Thị H thừa nhận thực hiện hành vi như bản án sơ thẩm đã nêu. Lời khai của bị cáo cơ bản phù hợp lời khai của bị cáo khác, những người bị hại, với vật chứng của vụ án, các kết luận giám định, đồng thời phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án được xét hỏi công khai tại phiên tòa. Như vậy, có đủ cơ sở kết luận:

Trong khoảng thời gian từ tháng 4/2019 đến tháng 11/2019, các bị cáo E, M đã cấu kết với một số người gốc Phi khác thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của các bị hại là người Việt Nam thông qua hình thức kết bạn, sau đó hứa hẹn gửi quà, gửi tiền về; người bị hại cần đóng một khoản tiền phạt hoặc phí vận chuyển để được nhận quà, tiền.

Để thực hiện được hành vi trên, bị cáo E và bị cáo H1 mua chứng minh nhân dân giả mở 21 tài khoản tại các ngân hàng để các bị hại chuyển tiền vào; sau khi nhận được tiền bị cáo H1 rút ra đưa lại cho bị cáo E. Còn bị cáo M và bị cáo H thì sử dụng ảnh thẻ của bị cáo H dán vào các chứng minh nhân dân mang tên người khác để mở tài khoản ngân hàng; khi các bị hại chuyển tiền vào thì bị cáo H rút ra và đưa lại cho bị cáo M. Sau khi nhận được tiền thì E và M giữ lại một phần, một phần chuyển cho các đối tượng tên U, Ch, B ở nước ngoài (hiện không xác định được nhân thân, lai lịch).

Với 05 bị hại xác định được trong vụ án này và tổng số tiền chiếm đoạt là 1.698.642.000 đồng thì bị cáo E tham gia thực hiện 04 vụ với tổng số tiền chiếm đoạt là 1.072.642.000 đồng; bị cáo H1 tham gia 02 vụ với tổng số tiền chiếm đoạt là 900.000.000 đồng; bị cáo M tham gia 04 vụ với tổng số tiền chiếm đoạt là 1.066.000.000 đồng; bị cáo H tham gia 02 vụ với tổng số tiền chiếm đoạt là 326.000.000 đồng.

[2.2] Xét kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng:

Bản cáo trạng số 46/CT-VKS ngày 30/10/2020 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng kết luận và truy tố đối với các bị cáo như sau: *“Tổng số tiền mà các bị can thực hiện rút của 05 bị hại là 1.236.000.000đ..., trong đó..... M có vai trò trong 05 vụ với tổng số tiền chiếm đoạt là với số tiền*

1.236.000.000đ,...Lê Thị H có vai trò trong 02 vụ với tổng số tiền chiếm đoạt là 326 triệu đồng”. Cáo trạng của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng không truy tố hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của bị cáo M đối với số tiền 116.000.000 đồng trước đó. Tòa án cấp sơ thẩm đã trả hồ sơ điều tra bổ sung đối với việc chiếm đoạt số tiền 116.000.000 đồng nhưng Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng vẫn giữ nguyên nội dung truy tố như trên. Bị cáo M không bị truy cứu trách nhiệm hình sự đối với việc chiếm đoạt số tiền 116.000.000 đồng thì không có cơ sở để truy cứu trách nhiệm hình sự bị cáo H về hành vi không tố giác tội phạm. Mặt khác, trường hợp bị cáo M bị truy cứu trách nhiệm hình sự đối với việc chiếm đoạt số tiền 116.000.000 đồng thì việc bị cáo H biết rõ hành vi chiếm đoạt tài sản của bị cáo M, đi rút tiền về cho bị cáo M là hành vi đồng phạm với bị cáo M trong việc lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Bản thân bị cáo H đã bị truy tố, xét xử về hành vi đồng phạm lừa đảo chiếm đoạt tài sản trong vụ án này. Tòa án cấp sơ thẩm tuyên bố bị cáo Lê Thị H không phạm tội “Không tố giác tội phạm” là có căn cứ, đúng quy định pháp luật. Kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng không có cơ sở chấp nhận.

[2.3] Xét kháng cáo của bị cáo Lê Thị H:

Về hình phạt: Bị cáo là đồng phạm giúp sức tích cực để bị cáo M thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác, xâm phạm trật tự quản lý hành chính, hoạt động đúng đắn của của cơ quan, tổ chức. Bị cáo bị xét xử theo khoản 3 Điều 174 Bộ luật hình sự có mức hình phạt từ 07 năm đến 15 năm và khoản 2 Điều 340 Bộ luật hình sự có mức hình phạt từ 02 năm đến 05 năm. Tòa án cấp sơ thẩm đánh giá vai trò của bị cáo trong vụ án, áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; từ đó xử phạt bị cáo 06 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và 02 năm tù về tội “Sửa chữa và sử dụng tài liệu của cơ quan tổ chức” là phù hợp, tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo không xuất trình được tình tiết giảm nhẹ mới nên Hội đồng xét xử không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Như đã phân tích ở trên, bị cáo H tham gia cùng bị cáo M thực hiện 02 vụ lừa đảo chiếm đoạt tài sản với tổng số tiền 326.000.000 đồng của 02 người bị hại Đào Thị Việt Tr2 và Lê Thị H3. Tòa án cấp sơ thẩm buộc bị cáo phải liên đới cùng với bị cáo M bồi thường cho 02 bị hại số tiền chiếm đoạt nêu trên là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

[3] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy không có căn cứ chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng và kháng cáo của bị cáo Lê Thị H; cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[5] Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị cáo Lê Thị H phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vĩ các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự,

Không chấp nhận Quyết định số kháng nghị số 03/VKS-P2 ngày 05/7/2021 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng (*được thay đổi, bổ sung theo Quyết định số kháng nghị số 225/VKS-P2 ngày 07/7/2021 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng*) và kháng cáo của bị cáo Lê Thị H.

Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 23/2021/HS-ST ngày 23 tháng 6 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

Tuyên bố bị cáo Lê Thị H phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, “Sửa chữa và sử dụng các tài liệu của cơ quan, tổ chức”.

Bị cáo Lê Thị H không phạm tội “Không tố giác tội phạm”.

Áp dụng khoản 3 Điều 174; khoản 2 Điều 340; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 (*cho tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”*); khoản 2 Điều 54, các Điều 17, 58 của Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Lê Thị H 06 năm tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”; 02 năm tù về tội “*Sửa chữa và sử dụng các tài liệu của cơ quan tổ chức*”. Căn cứ Điều 55 của BLHS năm 2015, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho hai tội là 08 năm tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 19/9/2019. Tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo thi hành án.

Buộc bị cáo M, bị cáo Lê Thị H liên đới bồi thường cho bà Đào Thị Việt Tr2 số tiền 265.000.000 đồng; cho bà Lê Thị H3 số tiền 61.000.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải bồi khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bị cáo Lê Thị H phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao (1);
- VKSND cấp cao tại TP.HCM (1);
- TAND tỉnh Lâm Đồng (2);
- VKSND tỉnh Lâm Đồng (1);
- Công an tỉnh Lâm Đồng (1);
- Sở Tư pháp tỉnh Lâm Đồng (1);
- Cục THADS tỉnh Lâm Đồng (1);
- Trại tạm giam Công an tỉnh Lâm Đồng (2);
- Lưu VP (3), HS (2). 15b.TTPT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Thanh Dũng